

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS- ST
Ngày: 17- 9- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tuyên

2. Ông Vũ Quang Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Ngọc Đức D- sinh ngày 02 tháng 7 năm 1987 tại huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: xóm L, xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Kim L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2 sinh năm 1969; có vợ là Hoàng Thu Th sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2006.

- Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2015/HSST ngày 24/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngọc Đức D chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/01/2016, nộp xong án phí ngày 15/9/2016.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2017/ HSST ngày 25/4/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Ngọc Đức D nộp xong án phí ngày 28/11/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2019, chưa được xóa án tích (Bản án này xác định D tái phạm).

- Tiền sự: Ngày 13/7/2020, bị Công an thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng. Ngày 17/7/2020, Ngọc Đức D nộp phạt xong.

- Nhân thân:

+ Ngày 12/10/2012 bị Chủ tịch UBND huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 4158/QĐ- UBND đưa vào Trung tâm Chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh Thái Nguyên thời hạn 12 tháng do nghiện ma túy. Ngọc Đức D được đưa vào Trung tâm ngày 07/3/2013; ngày 07/3/2014 chấp hành xong.

+ Ngày 25/11/2014 bị Công an xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/HS- ST ngày 26/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2021 (Bản án đã có hiệu lực pháp luật; Ngọc Đức D đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an). Có mặt.

2. Bàn Thị L- sinh ngày 22 tháng 9 năm 1994 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: khu phố HS, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn T1 sinh năm 1976 và bà Triệu Thị L3 sinh năm 1978; có chồng là Cao Văn T2 sinh năm 1990 (đã ly hôn); chưa có con.

- Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 10/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bàn Thị L nộp xong án phí ngày 02/7/2018, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/01/2020 (chưa được xóa án tích).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 36/HS- ST ngày 26/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2021 (Bản án đã có hiệu lực pháp luật; Bàn Thị L đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an). Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1972

Trú tại: Khu NK, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lưu Xuân Q- sinh năm 1983

Trú tại: Xóm L, xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/2020, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ nhận được báo cáo của Công an xã H, huyện Đ về việc tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của bà Nguyễn Thị T sinh năm 1972 ở khu NK, xã H với nội dung: Vào khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại ven Tỉnh lộ 323i đoạn thuộc khu ĐT, xã H, bà T đã bị kẻ gian trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19E1 - 287.xx.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô bị trộm cắp và tiến hành rà soát, xác minh để làm rõ.

Tại Bản kết luận định giá số 147, ngày 28/12/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19E1 - 287.xx của bà Nguyễn Thị T có trị giá là 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Xét thấy vụ việc đủ yếu tố cấu thành tội phạm, ngày 07/02/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ đã ra Quyết định khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự để tiến hành điều tra.

Ngày 27/3/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ nhận được Công văn số 82, ngày 22/3/2021 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về việc trong quá trình điều tra vụ án Trộm cắp tài sản do Ngọc Đức D sinh năm 1987 ở xóm L, xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên và Bàn Thị L sinh năm 1994 ở khu phố Hạ Sơn, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa gây ra tại huyện Y, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Y đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 20H5 - 25xx; chiếc xe này D và L khai đã trộm cắp tại huyện Đ vào đầu tháng 12/2020.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ tiến hành lấy lời khai của Ngọc Đức D, Bàn Thị L, cả hai đều thừa nhận việc đã trộm cắp chiếc xe mô tô trên tại huyện Đ, sau đó thay biển số khác.

Ngày 25/5/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố bị can đối với Ngọc Đức D và Bàn Thị L, điều tra làm rõ nội dung vụ án như sau:

Ngọc Đức D và Bàn Thị L không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 6/2020. Do muốn có tiền chi tiêu nhưng lười lao động, D đã rủ L đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài; L đồng ý.

Khoảng 07 giờ sáng ngày 07/12/2020, D cầm theo 01 vạm phá khóa tự chế hình chữ T và 01 cờ lê cỡ 10 rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 20M3 - 79xx của mình chở L từ nhà D đến thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, sau đó đến khu vực cầu KX, xã HL, huyện S rồi rẽ phải, đi dọc Tỉnh lộ 323i hướng lên huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, mục đích tìm xe mô tô có sơ hở trong việc trông giữ để trộm cắp.

Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, khi đi đến đoạn Tỉnh lộ 323i thuộc khu ĐT, xã H, huyện Đ, D phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19E1- 287.xx dựng ở ven đường bên phải cùng chiều đi của mình, xe không

khóa cở, khóa còng. Đây là xe mô tô của bà Nguyễn Thị T do bà T điều khiển đến dừng ở đây vào khoảng 09 giờ sáng cùng ngày để xuống ruộng rau của gia đình cách đó khoảng 40m nhỏ cở. Thấy chiếc xe trên không có người trông giữ, D dừng xe, để L cảnh giới, còn bản thân đi bộ đến vị trí dừng chiếc xe, dùng vạm phá khóa điện rồi khởi động xe đi theo đường cũ để về nhà. L điều khiển xe mô tô biển số 20M3- 79xx đi sau. Trên đường đi, D dừng xe, dùng cờ lê tháo, vứt bỏ biển số rồi đi tiếp. Khi đi đến Quốc lộ 37 thuộc huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên, D nhặt được 01 chiếc biển số xe mô tô 20H5 - 25xx ở ven đường nên đã lấy lắp vào chiếc xe vừa trộm cắp được rồi đi về, cất giấu xe tại nhà.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà T từ ruộng rau lên lấy xe để đi về thì phát hiện chiếc xe đã bị mất nên trình báo cơ quan Công an.

Sáng ngày 08/12/2020, Ngọc Đức D một mình điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được của bà T đến quán bán hàng ăn của anh Lưu Xuân Q sinh năm 1983 ở cùng xóm, gạ bán cho anh Q chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng. D nói dối anh Q đây là xe của mình, nhưng không cầm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe. Anh Q đồng ý mua xe, trả trước cho D 1.500.000 đồng, hẹn khi nào D đem giấy tờ xe đến sẽ trả nốt số tiền còn lại. D đồng ý, nhận tiền, đem về chi tiêu hết. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Y đã thu giữ xe mô tô và bàn giao lại cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ. Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả lại xe cho bị hại là bà Nguyễn Thị T.

Tại bản Cáo trạng số: 30/CT- VKSDH ngày 28/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Ngọc Đức D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố Bàn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Ngọc Đức D và Bàn Thị L phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Ngọc Đức D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm 03 tháng tù tại Bản án số 36 ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 năm 09 tháng đến 06 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam của Bản án trước là ngày 01/01/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bàn Thị L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, tổng hợp với hình phạt tù 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 36 ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt

chung của cả hai bản án là 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam của Bản án trước là ngày 01/01/2021.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không biển số cho người bị hại là bà Nguyễn Thị T.

Tịch thu tiêu hủy đối với chiếc biển số 20H5 - 25xx.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo: Ngọc Đức D, Bàn Thị L đều khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Bị hại là bà Nguyễn Thị T không tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Ngọc Đức D: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

- Bị cáo Bàn Thị L: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo cải tạo, sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo: Ngọc Đức D, Bàn Thị L khai nhận:

Ngọc Đức D và Bàn Thị L không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2020 tại nhà D ở xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Để có tiền chi tiêu cá nhân, Ngọc Đức D đã rủ Bàn Thị L đi trộm cắp xe mô tô và được L đồng ý. Ngày 07/12/2020, D đem theo 01 vạm phá khóa tự chế hình chữ T và 01 cờ lê cỡ 10 rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade

biển số 20M3 - 79xx của mình chở L từ nhà đến huyện Đ để trộm cắp. Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, tại ven Tỉnh lộ 323i thuộc khu ĐT, xã H, huyện Đ, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị T trú tại khu NK, xã H, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của bà T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 19E1 - 287.xx. Sau khi lấy được xe, Ngọc Đức D đã thay biển số khác, rồi đem bán cho anh Lưu Xuân Q ở xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên lấy 1.500.000 đồng. Trị giá chiếc xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt của bà T là 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của Bàn Thị L đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Ngọc Đức D đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, do bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xác định là tái phạm tại Bản án số 136/2017/HSST ngày 25/4/2017, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

3.....”

[4]. Hành vi của Bàn Thị L và Ngọc Đức D đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Cả hai bị cáo đều còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Trước khi thực hiện vụ trộm cắp này, D, L đã trộm cắp nhiều xe mô tô với thủ đoạn tương tự tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và đã bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt tù tại Bản án số 36/HS- ST, ngày 26/5/2021, hiện đang chấp hành án. Riêng Ngọc Đức D còn nhiều lần bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ để giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

[5]. Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo như sau:

Ngọc Đức D là người khởi xướng việc trộm cắp, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, thay biển số xe và đem xe đi tiêu thụ. Bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là khai báo thành khẩn và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Ngọc Đức D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự, do tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết đã dùng để định khung hình phạt.

Bàn Thị L đồng phạm với Ngọc Đức D với vai trò là người giúp sức. Sau khi được D rủ rê, L đã đồng ý đi cùng D tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp. Khi D lấy tài sản, L là người cảnh giới, sau đó thay D điều khiển xe mô tô của D, để D điều khiển xe vừa trộm cắp được, cùng nhau tẩu thoát, đem về nhà cất giấu. Bàn Thị L được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 là khai báo thành khẩn, đồng thời phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, do bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh kết án tại Bản án số 40/2018/HS- ST ngày 10/5/2018, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

[6]. Ngọc Đức D và Bàn Thị L đang chấp hành án phạt tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/HS- ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nay bị xét xử về tội đã phạm trước khi có Bản án đó, nên trong vụ án này Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo về tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt của Bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức phạt, đề nghị tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do Ngọc Đức D và Bàn Thị L đều không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Anh Lưu Xuân Q là người đã mua của Ngọc Đức D chiếc xe mô tô Yamaha Sirius mà D trộm cắp của bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, anh Q không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Q là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

- Ngọc Đức D khai đã tháo và vứt bỏ biển số xe mô tô 19E1- 287.xx của bà Nguyễn Thị T và đã làm mất 01 văm phá khóa tự chế hình chữ T, 01 chiếc

cờ lê cỡ 10 là công cụ phạm tội. Các vật chứng trên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không phải xử lý.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 20M3 - 79xx của Ngọc Đức D là phương tiện phạm tội trong vụ án này, nhưng cũng là phương tiện phạm tội trong vụ án trộm cắp tài sản do Ngọc Đức D và Bàn Thị L gây ra tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Bản án hình sự sơ thẩm số 36/HS- ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô nêu trên, vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử không phải xử lý.

- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không có biển số (do biển số xe là 19E1-287.xx D khai đã tháo và vứt bỏ). Việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

- Hiện còn tạm giữ 01 biển số xe mô tô 20H5 - 25xx. Theo tài liệu điều tra, đây là biển số của xe mô tô nhãn hiệu Majesty có số khung: 022TT*080754, số máy: FMH*080754, đăng ký tên chủ xe là ông Nguyễn Đình L4 sinh năm 1960 ở xóm L, xã HT, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Chiếc xe trên ông L4 đã bán cho người khác vào khoảng năm 2011, không nhớ tên tuổi, địa chỉ người mua, không làm thủ tục sang tên, hiện xe không có trong danh mục xe vật chứng. Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã thông báo truy tìm chủ sở hữu biển số xe mô tô 20H5- 25xx nhưng không có kết quả, biển số này không còn giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu để tiêu hủy.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là bà Nguyễn Thị T đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu các bị cáo bồi thường biển số xe bị mất hoặc bất cứ khoản tiền nào; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lưu Xuân Q không yêu cầu Ngọc Đức D bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đã trả cho D để mua xe mô tô. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không phải giải quyết

[11]. Về án phí: Các bị cáo: Ngọc Đức D, Bàn Thị L bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

*Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Ngọc Đức D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt Ngọc Đức D 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03(Ba) năm 03 (Ba) tháng tù tại Bản án số: 36/2021/HS- ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, buộc Ngọc Đức D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (Sáu) năm tù. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/9/2021). Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (17/9/2021).

*Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt Bàn Thị L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số: 36/2021/HS- ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, buộc Bàn Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/9/2021). Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (17/9/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Ngọc Đức D, Bàn Thị L.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 20H5- 25xx.

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không lắp biển số (có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

3. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo: Ngọc Đức D, Bàn Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- UBND xã HT;
- UBND thị trấn N;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa

